

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5-2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị NĐ và anh BĐ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ngọc Diệu.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần NĐ, sinh năm 1995;

Địa chỉ: 87/11 ấp S, thị trấn H, huyện A, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Anh Trần BĐ, sinh năm 1996;

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị NĐ và anh BĐ vắng mặt (chị NĐ có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 02 năm 2023, đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 24 tháng 4 năm 2023, nguyên đơn là chị Trần NĐ trình bày:

Chị và anh Trần BĐ tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện A, tỉnh B. Sau khi kết hôn, chị và anh BĐ sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh BĐ không lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị và anh BĐ không sống chung với nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh BĐ.

Quá trình chung sống, chị và anh BĐ có hai con chung là Trần A, sinh ngày 26/5/2017 và Trần B, sinh ngày 03/4/2019. Hiện tại, Trần A đang sống chung với anh BĐ, Trần B đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi Trần B, không yêu cầu anh BĐ cấp dưỡng cho Trần B. Chị đồng ý để anh BĐ tiếp tục nuôi Trần A, chị sẽ cấp dưỡng cho Trần A mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: chị và anh BĐ không có tài sản chung.

Về nợ chung: chị và anh BĐ không có nợ chung.

Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: chị không yêu cầu anh BĐ cấp dưỡng cho chị và chị cũng không cấp dưỡng cho anh BĐ.

Do chị bận công việc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Trần BĐ đều vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần NĐ.

Chị Trần NĐ được ly hôn với anh Trần BĐ.

- Về con chung: giao Trần A, sinh ngày 26/5/2017 cho anh BĐ và giao Trần B, sinh ngày 03/4/2019 cho chị NĐ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Buộc chị NĐ cấp dưỡng cho Trần A mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi Trần A đủ 18 tuổi.

Ghi nhận chị NĐ không yêu cầu anh BĐ cấp dưỡng cho Trần B.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Chị NĐ, anh BĐ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị NĐ, anh BĐ thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: chị NĐ trình bày chị và anh BĐ không có tài sản chung.

- Về nợ chung: chị NĐ trình bày chị và anh BĐ không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần NĐ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Trần BĐ. Anh Trần BĐ là bị đơn trong vụ án, cư trú tại xã H, huyện G, tỉnh B. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

Chị Trần NĐ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị NĐ.

Anh Trần BĐ được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh BĐ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần NĐ và anh Trần BĐ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện A, tỉnh B vào năm 2017 nên quan hệ hôn nhân của chị NĐ và anh BĐ được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, chị NĐ cho rằng trong thời gian chung sống với nhau, chị và anh BĐ phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị và anh BĐ đã không sống chung với nhau từ đầu năm 2021 đến nay.

Qua xác minh vào ngày 18/4/2023, cha, mẹ ruột của anh Trần BĐ là ông Trần N và bà Huỳnh T, địa chỉ tại ấp M, xã H, huyện G, tỉnh B cung cấp thông tin: Hiện tại, anh Trần BĐ đang sống chung hộ khẩu, chung nhà với ông N, bà T. Vợ chồng anh BĐ và chị NĐ chung sống với nhau có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh BĐ và chị NĐ về sống ở quê chị NĐ tại huyện A. Giữa anh BĐ và chị NĐ không có mâu thuẫn nhưng do trong thời gian anh BĐ sống chung với gia đình chị NĐ thì xảy ra cự cãi giữa anh BĐ với bà ngoại của chị NĐ nên anh BĐ dẫn con là Trần A về sống chung với ông N, bà T đến nay khoảng 02 năm. Hiện nay, Trần A sống chung với ông N, bà T và anh BĐ; Trần B đang sống với chị NĐ. Anh BĐ không đồng ý ly hôn nên nếu chị NĐ kiên quyết ly hôn thì Tòa án cứ giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Sau khi thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị NĐ, Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh BĐ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mục đích hòa giải cho chị NĐ và anh BĐ đoàn tụ nhưng anh BĐ không đến Tòa án tham gia giải quyết.

Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị NĐ và anh BĐ đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị NĐ để giải quyết cho chị NĐ được ly hôn anh BĐ.

[3] Về con chung: chị NĐ và anh BĐ có 02 con chung là Trần A, sinh ngày 26/5/2017 và Trần B, sinh ngày 03/4/2019. Hiện tại, Trần A đang sống chung anh BĐ, Trần B đang sống chung chị NĐ. Chị NĐ yêu cầu tiếp tục nuôi Trần B, không yêu cầu anh BĐ cấp dưỡng cho Trần B. Chị NĐ đồng ý để anh BĐ tiếp tục nuôi Trần A, chị NĐ đồng ý có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Trần A mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại anh BĐ đang nuôi Trần A, chị NĐ đang nuôi Trần B. Để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của con chung, giao cho

anh BĐ được tiếp tục nuôi dưỡng Trần A, giao cho chị NĐ tiếp tục nuôi dưỡng Trần B cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì sau khi ly hôn “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Mặc dù anh BĐ không tham gia giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày về việc cấp dưỡng cho Trần A nhưng chị NĐ tự nguyện có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Trần A mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật. Chị NĐ không yêu cầu anh BĐ cấp dưỡng cho Trần B nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: chị NĐ trình bày chị và anh BĐ không có tài sản chung

[5] Về nợ chung: chị NĐ trình bày chị và anh BĐ không có nợ chung.

[6] Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: chị NĐ không yêu cầu anh BĐ cấp dưỡng cho chị và chị cũng không cấp dưỡng cho anh BĐ.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị NĐ phải chịu 600.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 3176 ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị NĐ phải tiếp tục nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần NĐ.

- Về hôn nhân: chị Trần NĐ được ly hôn anh Trần BĐ.

- Về con chung:

Giao Trần A, sinh ngày 26/5/2017 cho anh Trần BĐ tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Trần NĐ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Trần A mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án là ngày 12 tháng 5 năm 2023.

Giao Trần B, sinh ngày 03/4/2019 cho chị Trần NĐ tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị Trần NĐ không yêu cầu anh Trần BĐ cấp dưỡng cho con.

Chị Trần NĐ và anh Trần BĐ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị NĐ, anh BĐ thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: chị Trần NĐ trình bày chị và anh Trần BĐ không có tài sản chung.

- Về nợ chung: chị Trần NĐ trình bày chị và anh Trần BĐ không có nợ chung.

- Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: chị Trần NĐ không yêu cầu anh Trần BĐ cấp dưỡng cho chị và chị cũng không cấp dưỡng cho anh BĐ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Trần NĐ phải chịu 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 3176 ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B. Chị Trần NĐ phải tiếp tục nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9

của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND thị trấn Chợ Lách;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thu Trang